

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 4 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500* 10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	646	663	17	12.650	215.050	
102	8	721	739	18	12.650	227.700	
103	7	504	522	18	12.650	227.700	
104	8	438	455	17	12.650	215.050	
105	7	448			12.650	0	
106	8	457	464	7	12.650	88.550	
107	PSHC				12.650	0	
108					12.650	0	
109	8	570	583	13	12.650	164.450	
110	8	280	288	8	12.650	101.200	
111	7	446	461	15	12.650	189.750	
112	8	695	708	13	12.650	164.450	
113	8	463	480	17	12.650	215.050	
114	7	414	433	19	12.650	240.350	
201	8	577	597	20	12.650	253.000	
202	5	420	436	16	12.650	202.400	
203	7	1118	1142	24	12.650	303.600	
204	4	568	578	10	12.650	126.500	
205	8	722	751	29	12.650	366.850	
206	5	643	665	22	12.650	278.300	
207	7	1020	1047	27	12.650	341.550	
208	8	748	784	36	12.650	455.400	
209	8	934	960	26	12.650	328.900	
210	8	927	954	27	12.650	341.550	
211	8	1179	1213	34	12.650	430.100	
212	7	710	724	14	12.650	177.100	
213	7	765	785	20	12.650	253.000	
214	6	773	789	16	12.650	202.400	
301	7	695	731	36	12.650	455.400	
302	8	677	694	17	12.650	215.050	
303	0	899			12.650	0	
304	7	570	593	23	12.650	290.950	
305	6	578	588	10	12.650	126.500	
306	7	762	782	20	12.650	253.000	
307	PSHC				12.650	0	
308		114	115		12.650	0	
309	8	638	657	19	12.650	240.350	

310	8	656	680	24	12.650	303.600	
311	5	579	591	12	12.650	151.800	
312	7	592	612	20	12.650	253.000	
313	6	621	637	16	12.650	202.400	
314	7	766	782	16	12.650	202.400	
401	7	696	719	23	12.650	290.950	
402	8	608	628	20	12.650	253.000	
403	8	758	781	23	12.650	290.950	
404	8	542	575	33	12.650	417.450	
405	8	423	433	10	12.650	126.500	
406	8	451	472	21	12.650	265.650	
407	8	564	582	18	12.650	227.700	
408	5	600	616	16	12.650	202.400	
409	8	393	404	11	12.650	139.150	
410	8	478	487	9	12.650	113.850	
411	8	421	432	11	12.650	139.150	
412	8	390	404	14	12.650	177.100	
413	8	541	564	23	12.650	290.950	
414	8	367	378	11	12.650	139.150	
501	7	461	479	18	12.650	227.700	
502	7	325	337	12	12.650	151.800	
503	7	329	341	12	12.650	151.800	
504	8	378	398	20	12.650	253.000	
505	8	376	394	18	12.650	227.700	
506	8	385	407	22	12.650	278.300	
507	7	241	253	12	12.650	151.800	
508	8	205	243	38	12.650	480.700	
509	8	410	437	27	12.650	341.550	
510	8	237	244	7	12.650	88.550	
511	8	220	231	11	12.650	139.150	
512	8	355	360	5	12.650	63.250	
513	8	252	261	9	12.650	113.850	
514	8	400	413	13	12.650	164.450	
Cộng	480			1.163		14.711.950	

(Bảng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm mười một nghìn chín trăm năm mươi đồng)

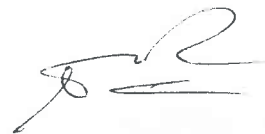
PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỔ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà